

SOME RECOMMENDATIONS OF CULTURAL ZONING TO REGIONAL SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM

Ly Tung Hieu

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University - Ho Chi Minh city
Email: lytunghie@gmail.com

Received: 27/2/2021
Reviewed: 26/5/2021
Revised: 06/6/2021
Accepted: 11/6/2021
Released: 30/6/2021

DOI: <https://doi.org/10.25073/0866-773X/515>

The article introduces the importance of regional culture in the process of regional sustainable development in Vietnam and the criteria for cultural zoning and its relation to regional sustainable development policies in Vietnam. The theoretical foundations of these arguments are theories of cultural areas and historical-ethnological areas, theories of cultural geography and cultural ecology of scientists and criteria for cultural zoning set. From that, the article gives the plan to divide Vietnamese cultural space into six culture regions: The Northwest and North-Central Mountains; the Viet Bac and Northeast; the North and North-Central Plains; the Central and South-Central Plains; the South; and the Truong Son Mountains and Central Highlands. This way of cultural zoning will help make the right, successful and effective policy.

Keywords: *Sustainable development; Cultural zoning; Culture region; Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Lâu nay ở Việt Nam, mỗi khi nghị sự về các chính sách phát triển bền vững vùng, người ta thường quan tâm nhiều đến các phương diện kinh tế, chính trị, xã hội và chỉ có một số người quan tâm đến phương diện văn hoá vùng.

Do đó, bài viết này đặt ra vấn đề: Việc phân chia các vùng văn hoá Việt Nam dựa vào những tiêu chí nào, có liên quan gì đến các chính sách phát triển bền vững vùng ở Việt Nam?

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong những thập niên gần đây, có nhiều nghiên cứu về phân vùng văn hoá, các nghiên cứu đã chỉ ra có ít nhất 06 phương án khác nhau trong phân vùng văn hoá Việt Nam.

- Phương án của Ngô Đức Thịnh (1984, 1993, 2009): Việt Nam có 7 vùng văn hoá: đồng bằng Bắc Bộ, Việt Bắc (Đông Bắc Bắc Bộ), Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ, duyên hải Bắc Trung Bộ (Thanh Hoá đến Thừa Thiên - Huế), duyên hải Trung và Nam Trung Bộ (Đà Nẵng đến Bình Thuận), Nam Bộ (Gia Định - Nam Bộ), Trường Sơn - Tây Nguyên.

- Phương án của Huỳnh Khải Vinh & Nguyễn Thanh Tuấn (1995): Việt Nam có 8 vùng văn hoá: miền núi phía Bắc, Tây Bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ (Khu IV cũ), duyên hải Nam Trung Bộ, Trường Sơn - Tây Nguyên, Đồng Nai - Gia Định (Đông Nam Bộ), đồng bằng sông Cửu Long.

- Phương án của Đinh Gia Khánh & Cù Huy Cận (chủ biên, 1995): Việt Nam có 9 vùng văn hoá: đồng bằng miền Bắc, Việt Bắc, Tây Bắc, Nghệ Tĩnh, Thuận Hoá - Phú Xuân (xứ Huế), Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, đồng bằng miền Nam, Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội.

- Phương án của Trần Quốc Vượng (chủ biên, 1998): Việt Nam có 6 vùng văn hoá: Tây Bắc, Việt Bắc, châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ. Phương án này đã được Trần Ngọc Thêm (1999, tr.32-34) chấp nhận. Trong đó, tên gọi của một số vùng văn hoá không tương ứng với không gian lãnh thổ: “vùng châu thổ Bắc Bộ” gồm Hà Tây, Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Hà Nội, Hải Phòng, phần đồng bằng của Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh; “vùng Trung Bộ” gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận; “vùng Tây Nguyên” gồm Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng, sườn phía Tây Trường Sơn từ phía Tây Quảng Bình đến Phú Yên. Phải nói rằng, trong dân gian cũng như trong khoa học, “châu thổ Bắc Bộ” không thể bao gồm cả Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh. “Trung Bộ” không thể chỉ bao gồm các

tỉnh ven biển từ Quảng Bình đến Bình Thuận. “Tây Nguyên” không thể bao gồm cả vùng núi Trường Sơn từ Quảng Bình đến Quảng Nam. Cho nên việc xác định tên vùng và phạm vi không ăn khớp như trên là trái với cách hiểu thông thường về các địa danh và có thể gây nhầm lẫn.

- Phương án của Chu Xuân Diên (2008): Việt Nam có 6 vùng văn hoá: Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ, Việt Bắc, đồng bằng (châu thổ) Bắc Bộ, đồng bằng ven biển Trung Bộ, Trường Sơn - Tây Nguyên, đồng bằng (châu thổ) Nam Bộ. So với phương án nêu trên của Trần Quốc Vượng (chủ biên, 1998) thì phương án của Chu Xuân Diên (2008) đã khắc phục một phần tình trạng không ăn khớp giữa tên vùng và không gian lãnh thổ. Tuy nhiên, “vùng đồng bằng Bắc Bộ” vẫn được định nghĩa khác với cách hiểu thông thường là “bao gồm đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Mã, sông Cả ở Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh”.

- Phương án của Huỳnh Công Bá (2008, 2015): Việt Nam có 6 vùng văn hoá: châu thổ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, Việt Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung và Nam Trung Bộ, Trường Sơn và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. So với phương án của Trần Quốc Vượng (chủ biên, 1998) và Chu Xuân Diên (2008) thì phương án của Huỳnh Công Bá (2008, 2015) đã khắc phục triệt để tình trạng không ăn khớp giữa tên vùng và không gian lãnh thổ.

Như vậy, số lượng vùng văn hoá Việt Nam được đề xuất là từ 06 đến 09 vùng. Căn cứ vào phạm vi không gian thì có đến 18 vùng văn hoá với phạm vi rộng hẹp khác nhau được các nhà nghiên cứu nêu lên. Tuy nhiên, xét kỹ thì trong số đó, vẫn có thể sàng lọc được 06 vùng văn hoá được nhiều tác giả hoặc nhóm tác giả nhận diện nhất: Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ (03 tác giả hoặc nhóm tác giả), Việt Bắc và Đông Bắc (06), đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ (03), đồng bằng Trung và Nam Trung Bộ (03), Nam Bộ (05), Trường Sơn và Tây Nguyên (05).

3. Phương pháp nghiên cứu

Việc phân vùng văn hoá và mối quan hệ của văn hoá vùng với các chính sách phát triển bền vững vùng ở Việt Nam là những vấn đề thuộc về phương pháp luận mà để trả lời cần huy động cả các tri thức lý thuyết và tri thức thực tiễn. Vận dụng các phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp so sánh và các lý thuyết khoa học liên quan đến vùng văn hoá.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Các lý thuyết liên quan đến vùng văn hoá và phân vùng văn hoá

Cơ sở lý luận để phân vùng văn hoá và nghiên cứu văn hoá vùng bao gồm nhiều lý thuyết khoa học khác nhau. Trong đó, hai nhóm lý thuyết quan trọng

nhất là các lý thuyết vùng văn hoá và khu vực lịch sử-dân tộc học; các lý thuyết địa lý học văn hoá và sinh thái học văn hoá.

Các lý thuyết về vùng văn hoá và khu vực lịch sử-dân tộc học ra đời ở phương Tây trong thế kỷ XX với sự đóng góp của một số nhà nhân học Mỹ và một số nhà dân tộc học Liên Xô (cũ). Vào cuối thế kỷ XIX, một số nhà khoa học châu Âu đã đề xuất lý thuyết khuếch tán văn hoá, giải thích sự tương đồng văn hoá ở các khu vực khác nhau trên thế giới là do sự khuếch tán của một vùng văn hoá trung tâm. Và châu Âu được cho là trung tâm văn hoá của nhân loại, từ nơi đây văn hoá phát tán ra các khu vực khác trên thế giới. Nhằm phản đối lý thuyết này, dựa trên kết quả nghiên cứu các nền văn hoá của người da đỏ Mỹ (American Indian), vào đầu thế kỷ XX, nhiều nhà nhân học Mỹ như Franz Boas (1858-1942), Clark David Wissler (1870-1947), Alfred Louis Kroeber (1876-1960) đã đưa ra lý thuyết về vùng văn hoá (cultural area) và loại hình văn hoá (cultural typology). Theo đó, các vùng văn hoá là kết quả của sự phân chia văn hoá lâu đời do quá trình thích ứng của các nhóm cư dân với những điều kiện của môi trường sinh thái. Để nghiên cứu các vùng văn hoá cần lựa chọn một tập hợp những yếu tố đặc trưng, tạo nên loại hình văn hoá vùng. Tuy nhiên, khả năng vận dụng lý thuyết này vào việc phân vùng văn hoá không cao. Kể từ khi các nhà nhân học Mỹ đưa ra khái niệm vùng văn hoá, khái niệm này đã bị một số người chỉ trích, cho rằng căn cứ để phân chia các vùng văn hoá là tùy tiện (Hiếu, 2019b, tr.10-11).

Từ thập niên 1950 đến thập niên 1970, dựa trên kết quả nghiên cứu các nền văn hoá bản địa ở Siberia, một số nhà dân tộc học Liên Xô (cũ) như Maxim Grigorievich Levin (1904-1963) và Nikolai Nikolaevich Cheboksarov (1907-1980) đã phát triển lý thuyết về loại hình kinh tế - văn hoá và về khu vực lịch sử-dân tộc học, còn gọi là khu vực lịch sử-văn hoá. Theo đó, các khu vực lịch sử-dân tộc học được hình thành do tác động của các nhân tố như: tính tương đối đồng nhất về địa lý cảnh quan; trình độ phát triển kinh tế-xã hội, quá trình giao lưu, ảnh hưởng qua lại khăng khít, lâu dài giữa cư dân các dân tộc trong khu vực; nguồn gốc lịch sử chung của các dân tộc trong khu vực. Sự tác động đó làm hình thành những đặc trưng văn hoá chung trong các lĩnh vực đời sống vật chất và tinh thần của cư dân. Với phát hiện này, lý thuyết về khu vực lịch sử-dân tộc học có tác dụng thực tiễn khá cao trong việc nhận diện văn hoá vùng và phân vùng văn hoá (Левин, М.Г. & Чебоксаров, Н.Н. 1955; Чебоксаров, Н.Н. & Чебоксарова, И.А. 1971).

Các lý thuyết địa lý học văn hoá (cultural geography) và sinh thái học văn hoá (cultural ecology) cũng được phát triển trong thế kỷ XX với

sự đóng góp của một số nhà địa lý học và nhân học phương Tây. Tiêu biểu là Carl Ortwin Sauer (1889-1975), nhà địa lý học người Mỹ có công phát triển phân ngành địa lý học văn hoá, nghiên cứu việc tạo thành các cảnh quan văn hoá từ các dạng thức xếp chồng lên trên cảnh quan tự nhiên. Hay Julian Haynes Steward (1902-1972), nhà nhân học người Mỹ đã góp phần phát triển các khái niệm và phương pháp của sinh thái học văn hoá và lý thuyết khoa học về biến đổi văn hoá. Gần đây, nhà địa lý học văn hoá người Pháp Joël Bonnemaïson (1940-1997) cũng lập luận rằng các nền văn hoá đều được xây dựng và định vị trong một không gian nhất định, có một mối quan hệ biện chứng giữa văn hoá với không gian của nó... (Sauer, 1925, tr.20; Steward, 1972; Steward, 1977, tr.68-86; Bonnemaïson, 2004; Bonnemaïson, 2009; Khánh, 2011; Khánh, 2012, tr.51-54).

Những đóng góp quan trọng nhất của các lý thuyết địa lý học văn hoá và sinh thái học văn hoá là làm sáng tỏ vai trò của môi trường tự nhiên đối với sự hình thành, biến đổi của văn hoá, đồng thời xác định mối quan hệ giữa văn hoá với môi trường, sự thích nghi của con người với môi trường, sự định hình cảnh quan do sản xuất nông nghiệp, kỹ thuật, xây dựng của con người. Từ những gì mà một số nền văn hoá đã làm đối với môi trường tự nhiên trong thế kỷ XX, các lý thuyết địa lý học văn hoá và sinh thái học văn hoá đã chỉ ra sai lầm của quyết định luận môi trường, chứng minh tác động trở lại của văn hoá đối với môi trường tự nhiên, từ đó đặt ra vấn đề trách nhiệm bảo vệ môi trường của con người. Do đó, các lý thuyết này có giá trị quan trọng trong việc nghiên cứu quan hệ giữa văn hoá với môi trường, cũng như việc nghiên cứu các vùng văn hoá và phân vùng văn hoá (Hiếu, 2019b, tr.25).

4.2. Xác lập và vận dụng hai tiêu chí phân vùng văn hoá Việt Nam

Vận dụng các lý thuyết vùng văn hoá và khu vực lịch sử-dân tộc học vào việc phân vùng văn hoá, chúng tôi nhận thức rằng, điều kiện địa lý tự nhiên là tiền đề làm hình thành và biến đổi các đặc trưng của văn hoá tộc người và văn hoá vùng. Mỗi vùng địa lý tự nhiên thường có một hoặc một số tộc người đóng vai trò chủ thể văn hoá chính, góp phần chính yếu vào sự hình thành các đặc trưng bản sắc văn hoá của vùng. Từ những tiền đề đó, các vùng văn hoá đã hình thành và tồn tại như những thực thể khách quan. Dựa trên những lý thuyết và thực tiễn khách quan này, chúng tôi xác lập 02 tiêu chí cho việc phân vùng văn hoá Việt Nam: Tiêu chí về phân vùng địa lý tự nhiên và tiêu chí về phân bố tộc người (Hiếu, 2019a, tr.225-226; Hiếu, 2019b, tr.15-16).

Trước hết, chúng tôi tóm lược các kết quả phân vùng địa lý tự nhiên. Trên nền địa lý - khí hậu chung, lãnh thổ Việt Nam được phân chia thành nhiều vùng

địa lý tự nhiên:

- Theo các tác giả bộ sách “Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam” do Lê Thông chủ biên (2001, 2002,...), lãnh thổ Việt Nam có 08 vùng địa lý: vùng đồng bằng sông Hồng (gồm 11 tỉnh thành: Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Nam, Hà Tây, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình và Vĩnh Phúc); vùng Đông Bắc (gồm 11 tỉnh: Bắc Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Lào Cai, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái); vùng Tây Bắc (gồm 03 tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình); vùng Bắc Trung Bộ (gồm 06 tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế)...

- Theo Lê Bá Thảo (2008), tác giả công trình “Thiên nhiên Việt Nam”, lãnh thổ Việt Nam có 8 vùng địa lý: miền Đông Bắc, miền Tây Bắc, đồng bằng châu thổ Bắc Bộ, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam, các đồng bằng ven biển Trung Bộ, Đông Nam Bộ, đồng bằng châu thổ sông Cửu Long.

- Theo các tác giả công trình “Atlas địa lý Việt Nam dùng trong nhà trường phổ thông” do Ngô Đạt Tam & Nguyễn Quý Thao (chủ biên, 2010), về tự nhiên, lãnh thổ Việt Nam có 07 vùng: trung du và miền núi Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ (Thanh Hoá đến Thừa Thiên - Huế), duyên hải Nam Trung Bộ (Đà Nẵng đến Bình Thuận), Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long. 07 vùng này thuộc về 03 miền tự nhiên: miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Như vậy, tùy thuộc vào quan điểm của người nghiên cứu, đất nước Việt Nam được chia thành từ 07 đến 08 vùng địa lý tự nhiên: Tây Bắc, Đông Bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ (Thanh Hoá đến Thừa Thiên-Huế), Nam Trung Bộ (Đà Nẵng đến Bình Thuận), Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.

Các kết quả nghiên cứu về phân bố tộc người cũng cho ra những con số cụ thể. Theo Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam do Tổng cục Thống kê công bố ngày 2/3/1979 và còn giá trị hiện hành, nước ta có 54 dân tộc (tộc người), được phân loại theo ngôn ngữ thành 05 ngữ hệ (linguistic family, họ ngôn ngữ): ngữ hệ Nam Á (Austro-Asiatic) có 25 tộc người; ngữ hệ Thái-Kadai (Tai-Kadai) có 12 tộc người; ngữ hệ Mèo-Dao (Miao-Yao) có 03 tộc người; ngữ hệ Nam Đảo (Austronesian) có 05 tộc người; ngữ hệ Hán-Tạng (Sino-Tibetan) có 09 tộc người.

Trong 54 dân tộc ở Việt Nam, dân tộc Việt là một cộng đồng cư dân tại chỗ, cư trú trên khắp các vùng miền từ các đồng bằng châu thổ, đồng bằng duyên hải cho đến hải đảo, miền núi, cao nguyên. Theo kết quả tổng điều tra dân số ngày 1/4/2019, cả

nước có 82.085.729 người Việt, chiếm 85,3% trong tổng dân số 96.208.984 người. Trong đó, đồng bằng sông Hồng là nơi tập trung dân cư lớn nhất cả nước với 22,5 triệu người, chiếm gần 23,4% dân số toàn quốc; tiếp đến là Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung với 20,2 triệu người, chiếm 21,0%; Đông Nam Bộ với 17.828.907 người, chiếm 18,5%; Tây Nam Bộ với 17.273.630 người, chiếm 18,0% (Tổng cục Thống kê, 2019; Ban Chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2019, tr.17, tr.49). Do đó, các vùng văn hoá đồng bằng ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ tuy có nhiều dân tộc cư trú nhưng chủ thể văn hoá chính ở đó là người Việt (Kinh), văn hoá ở đó cơ bản là văn hoá Việt. Trên bình diện toàn quốc, vì chiếm tuyệt đại đa số dân cư và có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao, dân tộc Việt cũng là chủ thể văn hoá chính của toàn bộ không gian văn hoá Việt Nam.

Các dân tộc thiểu số, hầu hết có địa bàn cư trú chính yếu ở miền núi và cao nguyên. Theo kết quả tổng điều tra dân số ngày 1/4/2019, 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam có dân số là 14.123.255 người, chiếm 14,7% tổng dân số. Trong đó, ở trung du và miền núi phía Bắc, các dân tộc thiểu số chiếm 56,2% dân số; con số này ở Tây Nguyên là 37,7%; ở Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 10,3% (Tổng cục Thống kê, 2019). Chỉ có 03 dân tộc thiểu số có vùng cư trú chính ở đồng bằng giống như người Việt: Chăm, Hoa, Khmer. Trong số đó, một số dân tộc do tương đối đông dân và có trình độ kinh tế - xã hội cao hơn, nên có ảnh hưởng văn hoá quan trọng trong phạm vi vùng cư trú: Người Thái và người Mường ở vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ; người Tày và người Nùng ở Việt Bắc và Đông Bắc; người Chăm ở đồng bằng Nam Trung Bộ; người Hoa ở Sài Gòn; người Khmer ở Tây Nam Bộ; các dân tộc Bru-Vân Kiều, Tà-ôi, Cơ-tu ở Trường Sơn; các dân tộc Gia-rai, Ê-đê, Xơ-Đang, Ba-na, Mnông, Cơ-ho ở Tây Nguyên.

Vận dụng 02 tiêu chí trên vào mục đích phân vùng văn hoá, nhận thấy có 05 vùng địa lý tự nhiên có khả năng cũng là vùng văn hoá do phân bố tộc người tương đối thuần nhất: Tây Bắc, Đông Bắc, đồng bằng sông Hồng, Nam Trung Bộ (Đà Nẵng đến Bình Thuận), Tây Nguyên. Còn vùng Bắc Trung Bộ (Thanh Hoá đến Thừa Thiên-Huế) có khả năng thuộc về những vùng văn hoá khác nhau, vì phần đồng bằng của nó thuộc về dân tộc Việt và gắn với đồng bằng sông Hồng, còn miền núi từ Thanh Hoá đến Hà Tĩnh thuộc không gian văn hoá Thái-Mường và gắn với vùng Tây Bắc, từ Quảng Bình đến Thừa Thiên-Huế, tức khu vực Trường Sơn thuộc không gian văn hoá Môn-Khmer, Việt-Mường và gắn với Tây Nguyên. Ngược lại, 02 vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long có khả năng là 02 bộ phận của 01 vùng văn hoá, vì ngày nay chủ thể văn hoá chính ở cả hai nơi đó đều là dân tộc Việt.

Như vậy, vận dụng các tiêu chí phân vùng văn hoá đã được xác lập và phác thảo được một danh mục 06 vùng văn hoá tiềm năng trên lãnh thổ Việt Nam: Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ (Thanh Hoá đến Hà Tĩnh), Đông Bắc, đồng bằng sông Hồng và đồng bằng Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ (Đà Nẵng đến Bình Thuận), Nam Bộ, Trường Sơn và Tây Nguyên (Hiếu, 2019a, tr.229; Hiếu, 2019b, tr.16). Các tiêu chí và danh mục các vùng văn hoá tiềm năng ấy sẽ là cơ sở khoa học để so sánh đánh giá các phương án phân vùng Việt Nam hiện có.

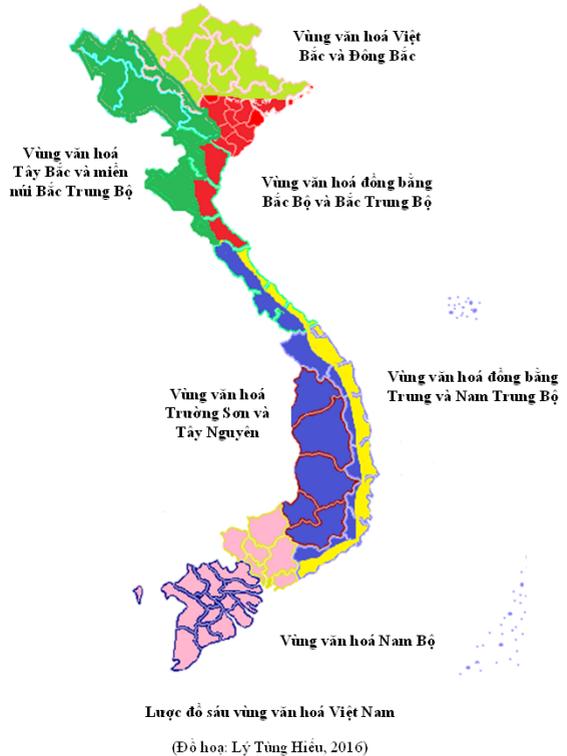
4.3. So sánh kết quả phân vùng văn hoá theo tiêu chí với các phương án phân vùng văn hoá Việt Nam hiện hữu

Như đã trình bày, từ thập niên 1980 cho đến gần đây, đã có ít nhất 06 phương án phân vùng văn hoá Việt Nam ra đời. Đối chiếu 06 phương án đó với nhau đã sàng lọc ra 06 vùng văn hoá nhiều tác giả hoặc nhóm tác giả nhận diện nhất: Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ, Việt Bắc và Đông Bắc, đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đồng bằng Trung và Nam Trung Bộ, Nam Bộ, Trường Sơn và Tây Nguyên. Điều thú vị là danh mục sàng lọc gần như trùng khớp với danh mục 06 vùng văn hoá tiềm năng được phác thảo dựa trên các tiêu chí phân vùng văn hoá của nghiên cứu. Điều đó chứng tỏ, đây là những vùng mà đặc trưng văn hoá vùng và tư cách vùng văn hoá thể hiện rõ nét và dễ nhận diện.

Chỉ có 02 vùng ở trong tình thế lưỡng phân, đó là vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ, vùng đồng bằng Trung và Nam Trung Bộ. Đối với vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ, bên cạnh 03 tác giả hoặc nhóm tác giả xem đây là một vùng văn hoá, cũng có 03 tác giả hoặc nhóm tác giả đề cập đến vùng Tây Bắc nhưng không bao gồm miền núi Bắc Trung Bộ. Tuy nhiên, đối chiếu với các tiêu chí phân vùng văn hoá Việt Nam nêu trên, miền núi và đồng bằng của khu vực Bắc Trung Bộ từ Thanh Hoá đến Hà Tĩnh là 02 địa bàn khác xa nhau: một bên là miền núi, một bên là đồng bằng; miền núi của nó thuộc không gian văn hoá Thái-Mường, còn phần đồng bằng thuộc về văn hoá Việt. Xét theo các tiêu chí này, miền núi Bắc Trung Bộ gắn với vùng Tây Bắc, còn phần đồng bằng gắn với đồng bằng Bắc Bộ.

Đối với vùng đồng bằng Trung và Nam Trung Bộ, bên cạnh 03 tác giả hoặc nhóm tác giả xem vùng văn hoá này có địa bàn trải dài từ Quảng Bình đến Bình Thuận, cũng có 03 tác giả hoặc nhóm tác giả đề cập đến vùng duyên hải từ Đà Nẵng đến Bình Thuận. Tuy nhiên, đối chiếu với các tiêu chí phân vùng văn hoá Việt Nam nêu trên, đồng bằng Bình Trị Thiên và các đồng bằng Nam Trung Bộ đều là đồng bằng duyên hải và đều thuộc về không gian văn hoá Việt. Mặt khác, nếu xem vùng duyên hải từ Đà Nẵng đến Bình Thuận là một vùng văn hoá, thì

đồng bằng Bình Trị Thiên sẽ là một vùng văn hoá riêng hoặc thuộc về vùng văn hoá phía Bắc Hoàng Sơn – một phương án không có mấy tác giả hoặc nhóm tác giả tán thành. Do đó, xếp đồng bằng Bình Trị Thiên và các đồng bằng Nam Trung Bộ thành 02 bộ phận của vùng văn hoá đồng bằng Trung và Nam Trung Bộ sẽ hợp lý hơn.



Như vậy, tổng hợp kết quả phân vùng văn hoá theo tiêu chí với các phương án phân vùng văn hoá Việt Nam hiện hữu, sẽ có danh mục 06 vùng văn hoá trên lãnh thổ Việt Nam: vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ; vùng văn hoá Bắc Bộ và Đông Bắc; vùng văn hoá đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; vùng văn hoá đồng bằng Trung và Nam Trung Bộ; vùng văn hoá Nam Bộ; vùng văn hoá Trường Sơn và Tây Nguyên. Đây là phương án phân vùng văn hoá Việt Nam có ưu thế nhất. Vì vừa đáp ứng được các tiêu chí phân vùng, vừa tìm được nhiều yếu tố đồng thuận với các phương án phân vùng đã có. Phương án phân vùng văn hoá này cũng là kết quả tâm huyết của nhiều nhà nghiên cứu văn hoá Việt Nam, cần được những người làm chính sách quan tâm.

5. Thảo luận

5.1. Vùng văn hoá bao hàm cả hai nguồn tài nguyên làm nền cho mọi chính sách phát triển về kinh tế và xã hội: tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên con người

Như đã chứng minh, việc phân vùng văn hoá

cần dựa trên 02 tiêu chí phân vùng địa lý tự nhiên và phân bố tộc người. Các vùng địa lý tự nhiên được hình thành từ các đặc điểm địa lý tự nhiên riêng biệt, bao gồm các tài nguyên thiên nhiên khác biệt của từng vùng, có thể khai thác, sử dụng và bảo tồn, tái tạo. Còn các tộc người chính là nguồn tài nguyên con người với các giá trị văn hoá, truyền thống văn hoá, sở trường văn hoá, cần được nhận biết để tôn trọng và sử dụng một cách hợp lý trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương. Trải qua quá trình lịch sử, sự phối hợp giữa hai nguồn tài nguyên đã đem lại kết quả là sự hình thành các vùng văn hoá. Với quan niệm như vậy, phương diện văn hoá vùng đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển bền vững vùng ở Việt Nam. Bởi vùng văn hoá bao hàm cả 02 nguồn tài nguyên làm nền cho mọi chính sách phát triển về kinh tế và xã hội: tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên con người.

5.2. Đặc trưng, đặc thù của các vùng kinh tế và đặc trưng, đặc thù của các vùng văn hoá Việt Nam

Từ biện luận nêu trên, có thể thấy, để phát triển bền vững vùng, những người làm chính sách cần quan tâm đồng thời đến đặc trưng, đặc thù của các vùng kinh tế - xã hội và đặc trưng, đặc thù của các vùng văn hoá Việt Nam.

Với quan niệm hiện đại về vùng văn hoá đã giới thiệu, các vùng văn hoá là những không gian văn hoá rộng lớn có các đặc trưng văn hoá vùng riêng biệt. Các đặc trưng văn hoá vùng này cần được nhận diện và sử dụng một cách khoa học, hợp lý. Cụ thể, việc khai thác các đặc trưng văn hoá vùng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phải có tính tiết kiệm, tính hiệu quả và bảo đảm duy trì liên tục các giá trị văn hoá, truyền thống văn hoá của cư dân trong vùng.

5.3. Quyết định luận môi trường trong nghiên cứu văn hoá và vùng văn hoá

Cần lưu ý một vấn đề mà các lý thuyết địa lý học văn hoá và sinh thái học văn hoá đã lên tiếng phê phán, đó là quan điểm đã lạc hậu của quyết định luận môi trường vẫn còn tồn tại trong một số công trình nghiên cứu văn hoá Việt Nam. Các vùng văn hoá đều có quan hệ “trao đổi chất” với bên ngoài. Bên cạnh điều kiện địa lý tự nhiên (natural geography) làm hình thành không gian văn hoá (cultural space), là điều kiện giao lưu văn hoá (cultural interchange) làm tiền đề cho các vùng văn hoá có thể tiếp biến văn hoá (acculturation) nội vùng và ngoại vùng. Cư trú trong một không gian văn hoá, tùy theo nhu cầu và năng lực sáng tạo của mình, các chủ thể văn hoá có thể khai thác các yếu tố của tự nhiên như là nguồn nguyên liệu, phương tiện để làm ra văn hoá. Và cùng với năng lực sáng tạo của mình, các chủ thể văn hoá có thể lựa chọn, tiếp biến những

tri thức, phương pháp, phương tiện, nguyên liệu mới và cả những nhu cầu mới thông qua sự tiếp xúc với các cộng đồng cư dân lân cận, để đổi mới, nâng cao nền văn hoá của mình. Do đó, không gian văn hoá và giao lưu tiếp biến văn hoá đóng vai trò như là hai tác nhân hợp thành một môi trường văn hoá (cultural environment) mà trong đó, nền văn hoá của các cộng đồng người hình thành, vận động và biến đổi. Nền văn hoá của một cộng đồng người mang tính chất tĩnh tại hay năng động, biến đổi chậm chạp hay nhanh chóng, mức độ biến đổi ít hay nhiều, phụ thuộc một phần vào không gian văn hoá và quá trình giao lưu tiếp biến văn hoá mà cộng đồng người đó đã trải qua. Phần còn lại, phụ thuộc vào khả năng sáng tạo và lựa chọn của chủ thể văn hoá trước những tác động đến từ môi trường văn hoá.

Do đó, khi khảo sát mối tương quan giữa môi trường tự nhiên và văn hoá, thiết tưởng quan điểm phù hợp là xem mối quan hệ đó là mối quan hệ tương tác và tương thuộc, tức là tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau. Trong đó, sự thích nghi và khai thác môi trường tự nhiên phụ thuộc vào khả năng của các nền văn hoá (Hiếu, 2019a, Tr.45-47; Hiếu, 2019b, tr.8-30).

6. Kết luận

Để trả lời những câu hỏi đặt ra ở đầu bài, chúng tôi đã giới thiệu các tiêu chí phân vùng văn hoá và mối quan hệ với các chính sách phát triển bền vững vùng ở Việt Nam. Cơ sở lý luận của các luận điểm đó là các lý thuyết về vùng văn hoá và khu vực lịch sử-dân tộc học, các lý thuyết địa lý học văn hoá và sinh thái học văn hoá của các nhà khoa học phương Tây, và các tiêu chí phân vùng văn hoá. Trên cơ sở đó, chúng tôi chọn lựa phương án phân vùng văn hoá Việt Nam thích hợp. Phương án phù hợp cả về lý thuyết và thực tiễn là phân chia không gian văn hoá Việt Nam thành 06 vùng văn hoá: Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ, Việt Bắc và Đông Bắc, đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đồng bằng Trung và Nam Trung Bộ, Nam Bộ, Trường Sơn và Tây Nguyên. Đó là đóng góp để làm sáng tỏ tầm quan trọng của các vùng văn hoá trong phát triển bền vững vùng ở Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện đại hoá và toàn cầu hoá hôm nay, vấn đề bảo tồn, phát triển văn hoá vùng và văn hoá các dân tộc trên các vùng miền đất nước đang được đặt ra. Bởi vì hiện đại hoá và toàn cầu hoá không chỉ tác động vào các yếu tố văn hoá vật thể mà theo thời gian, nó có thể làm biến đổi cả những giá trị, truyền thống, bản sắc trong văn hoá phi vật thể của các dân tộc, nên trong quá trình phát triển bền vững vùng ở Việt Nam cần quan tâm bảo vệ cả môi trường sinh thái và các giá trị, truyền thống, bản sắc văn hoá.

Tai lieu tham khao

- Ban Chap hanh Trung uong Dang Cong san Viet Nam khoa VIII. (1998). *Nghi quyet Hoi nghi lan thu nam Ban Chap hanh Trung uong Dang khoa VIII "Ve xay dung va phat trien nen van hoa Viet Nam tien tien, dam da ban sac dan toc"*, ngay 16/7/1998.
- Ban Chap hanh Trung uong Dang Cong san Viet Nam khoa XI. (2014). *Nghi quyet so 33-NQ/TW cua Hoi nghi lan thu chin Ban Chap hanh trung uong Dang khoa XI "Ve xay dung va phat trien van hoa, con nguoi Viet Nam dap ung yeu cau phat trien ben vung dat nuoc"*, ngay 09/6/2014.
- Ban Chi dao tong dieu tra dan so va nha o Trung uong. (2019). *Tong dieu tra dan so va nha o nam 2019: To chuc thuc hien va ket qua so bo*, Nxb. Thong ke.
- Ba, H. C. (2008). *Co so van hoa Viet Nam*, Hue: Nxb. Thuan Hoa.
- Ba, H. C. (2015). *Dac trung va sac thai van hoa vung - tieu vung o Viet Nam*, Hue: Nxb. Thuan Hoa.
- Bonnemaison, J. (2004). *La géographie culturelle*, établi par Maud Lasseur et Christel Thibault, Paris, C.T.H.S., 152 p.
- Bonnemaison, J. (2009). Su hoi sinh cua mot cach tiep can van hoa. Nguyen Thanh Tung dich, Nguyen Van Hieu hieu dinh, tu nguoi ban tieng Anh *Culture and space: Conceiving a new cultural geography*, New York, 2005; www.vanhoahoc.edu.vn, 23/5/2009.
- Чебоксаров, Н.Н. & Чебоксарова, И.А. (1971), Народы, расы, культуры (*Dan toc, chung toc, van hoa*), M.: Наука, 256с.
- Dien, C. X. (2008). *Co so van hoa Viet Nam*, in lan dau nam 1999, tai ban lan thu hai, Nxb. Dai hoc Quoc gia TP. Ho Chi Minh.
- Hieu, L. T. (2019a). *Van hoa Viet Nam: tiep can he thong - lien nganh*, ISBN 978-604-685-395-4, TP. Ho Chi Minh: Nxb. Van hoa - Van nghe TP. Ho Chi Minh.
- Hieu, L. T. (2019b). *Cac vung van hoa Viet Nam*, sach chuyen khao, ISBN 978-604-737-408-3, Nxb. Dai hoc Quoc gia TP. Ho Chi Minh.
- Khanh, D. G. & Can, C. H. (1995). *Cac vung van hoa Viet Nam (chu bien)*, Ha Noi: Nxb. Van hoc.
- Khanh, T. N. (2011). *May co so tiep can ly thuyet nghien cuu van hoa*, www.vanhoahoc.edu.vn, 04/9/2011.
- Khanh, T. N. (2012). *Van hoa do thi gian yeu*, Nxb. Tong hop TP. Ho Chi Minh.
- Sauer, C. O. (1925). The morphology of landscape. *University of California Publications in Geography* 2, p.20.
- Steward, J. H. (1972). *Theory of culture change: The methodology of multilinear evolution*, University of Illinois Press.
- Steward, J. H. (1977). "Evolutionary principles and social types", *Evolution and ecology: Essays on social transformation*, ed. J.C. Steward and R.P.Murphy, Urbana: University of Illinois Press, pp.68-86.
- Левин, М. Г. & Чебоксаров, Н. Н. (1955), "Хозяйственно-культурные типы и историко-этнографические области" (Các loại hình kinh tế - văn hóa và các khu vực lịch sử - dân tộc học), СЭ (*Dan toc hoc Xo Viet*), 1955, No.4; <https://arheologija.ru>.
- Thao, L. B. (2008). *Thien nhien Viet Nam*, tai ban lan thu nam, Nxb. Giao duc.
- Thong, L. (2001). *Dia ly cac tinh va thanh pho Viet Nam. Phan mot: Cac tinh va thanh pho dong bang song Hong (chu bien)*, tai ban lan thu nhat, Nxb. Giao duc.
- Tam, N. D. & Thao, N. Q. (2010). *Atlas dia ly Viet Nam. Dung trong nha truong pho thong (chu bien)*, tai ban lan thu nhat co sua chua chinh ly, Nxb. Giao duc Viet Nam.
- Thinh, N. D. (1984). Cac vung van hoa - lich su va vai tro cua no trong xay dung nen van hoa moi Viet Nam. *Tap chi Nghien cuu Van hoa Nghe thuat*, so 5.
- Thinh, N. D. (1993). *Van hoa vung va phan vung van hoa o Viet Nam*, Ha Noi: Nxb. Khoa hoc xa hoi.
- Thinh, N. D. (2009). *Ban sac van hoa vung o Viet Nam*, Nxb. Giao duc Viet Nam.
- Thinh, N. D. (2015). *Phan hoa vung va phan vung van hoa o Viet Nam*, tai ban lan thu 3, Ha Noi: Nxb. Khoa hoc xa hoi.
- Tong cuc Thong ke. (2019). *Cong bo ket qua Tong dieu tra dan so 2019*, <http://tongdieutradanso.vn>, 11/7/2019.
- Them, T. N. (1999). *Co so van hoa Viet Nam*, tai ban lan thu 2, Nxb. Giao duc.
- Vinh, H. K. & Tuan, N. T. (1995). *Chan hung cac vung va tieu vung van hoa o nuoc ta hien nay*, Ha Noi: Nxb. Chinh tri Quoc gia.
- Vuong, T. Q. (1998). *Co so van hoa Viet Nam (chu bien)*, Nxb. Giao duc.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT PHÂN VÙNG VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG Ở VIỆT NAM

Lý Tùng Hiếu

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
Email: lytungghieu@gmail.com

Ngày nhận bài: 27/2/2021

Ngày phản biện: 26/5/2021

Ngày tác giả sửa: 06/6/2021

Ngày duyệt đăng: 11/6/2021

Ngày phát hành: 30/6/2021

DOI: <https://doi.org/10.25073/0866-773X/515>

Bài viết giới thiệu tầm quan trọng của văn hoá vùng trong quá trình phát triển bền vững vùng ở Việt Nam, các tiêu chí phân vùng văn hoá và mối quan hệ với các chính sách phát triển bền vững vùng ở Việt Nam. Cơ sở lý luận của các luận điểm là các lý thuyết về vùng văn hoá và khu vực lịch sử - dân tộc học; lý thuyết địa lý học văn hoá và sinh thái học văn hoá của các nhà khoa học cùng các tiêu chí phân vùng văn hoá. Từ đó, bài viết đưa ra phương án phân chia không gian văn hoá Việt Nam thành sáu vùng văn hoá: Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ, Việt Bắc và Đông Bắc, đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đồng bằng Trung và Nam Trung Bộ, Nam Bộ, Trường Sơn và Tây Nguyên. Cách phân vùng văn hóa này sẽ giúp cho việc hoạch định chính sách đúng, trúng và hiệu quả.

Từ khóa: *Phát triển bền vững; Phân vùng văn hoá; Vùng văn hoá; Việt Nam.*